

Số: 42/2022/QĐST-HNGĐ

Cầu Ngang, ngày 12 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 107/2022/TLST/HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim K, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp B, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Thạch Minh H, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Kim K và anh Thạch Minh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim K và anh Thạch Minh H tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung tên: Thạch Thị Kiều T, sinh ngày 19/5/2015, (có nguyện vọng sống chung với chị K khi cha mẹ ly hôn), Thạch Thị Ngọc L sinh ngày 05/02/2018 đang sống chung với chị K.

Chị K và anh H thoả thuận như sau: Chị K được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Thạch Thị Kiều T, sinh ngày 19/5/2015, Thạch Thị Ngọc L sinh ngày 05/02/2018 khi ly hôn.

Anh Thạch Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng chị K và anh H không tranh chấp, không khởi kiện, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung vợ chồng: Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng chị K và anh H không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị K và anh H không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Kim K tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012592 ngày 14/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị Trần Thị Kim K được trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã M, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Tranh